

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 43/TTr-SCT ngày 14 tháng 7 năm 2020.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố danh mục các thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và:

- Thay thế thủ tục hành chính số: 01, 02 khoản I mục A phần I và phần II

tại Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 18 tháng 06 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số: 01 khoản VIII; số 01 khoản XV, mục A phần I và phần II tại Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số: 01 khoản III, mục B phần I và phần II tại Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa của ngành Công Thương thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- Bộ Công Thương (B/c);
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, TTHCC.LTLH

**CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Văn Hòa*  
**Nguyễn Văn Hòa**



**DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, SỞ CÔNG THƯƠNG VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**Phần I:  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương: 02 TTHC**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp mới: + Cơ sở kinh doanh thực phẩm. Mức thu: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở + Cơ sở sản xuất thực phẩm. Mức thu: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở	Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 của Bộ Công Thương
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	03 ngày làm việc (đối với: cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh 15 ngày làm việc (đối với: cấp	Trung tâm Phục vụ hành chính công (70 Lê Hồng Phong, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum)	Phí thẩm định cấp lại: + Cơ sở kinh doanh thực phẩm. Mức thu: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở + Cơ sở sản xuất thực phẩm. Mức thu: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở	Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 của Bộ Công Thương

		<i>lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)</i>			
--	--	--	--	--	--

**2. Thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh, Sở Công Thương, UBND cấp huyện:  
03 TTHC**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bị bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>A</b>	<b>UBND cấp tỉnh</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Năng lượng</b>	
1	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ (đối với điều chỉnh Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV)	Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 của Bộ Công Thương
<b>B</b>	<b>Sở Công thương</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>	
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 của Bộ Công Thương
<b>C</b>	<b>Cấp huyện</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực An toàn thực phẩm</b>	
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân thuộc thẩm quyền cấp của UBND cấp huyện	Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 của Bộ Công Thương

**Tổng cộng: 05 TTHC**

## Phần II

### NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

#### A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THÉ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG: 02 TTHC

##### I. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM (02 THỦ TỤC)

##### 01. Thủ tục: *Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện*

<b>Trình tự thực hiện</b>	<p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P.Quyết Thắng - Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc cán bộ kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn chỉnh hồ sơ. Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ thì hồ sơ không còn giá trị.</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Chuyên phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Trường hợp thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả “Chờ hoàn thiện”</i>: Thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục (<i>theo mẫu quy định</i>) và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị;</li> <li>Nếu kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành</p>
---------------------------	---

	<p>chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <p>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật).</p>
<b>Cách thức thực hiện</b>	Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến.
<b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b>	<p><b>a. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở;</li> <li>- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> <li>- 01 phong bì ghi rõ địa chỉ và dán tem (<i>nếu nhận hồ sơ qua đường bưu điện</i>);</li> </ul> <p><b>b. Số lượng hồ sơ:</b> 01 (bộ)</p>
<b>Thời gian giải quyết</b>	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức, cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
<b>Kết quả</b>	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
<b>Phí, Lệ phí</b>	<p>- Phí thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm. Mức thu: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở</li> <li>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm. Mức thu: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở</li> </ul>
<b>Tên mẫu đơn, tờ khai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (<i>Mẫu 1a Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, ngày 05/02/2020</i>).</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (<i>Mẫu số 02a - đối với cơ sở sản xuất, Mẫu số 02b - đối với cơ sở kinh doanh</i>) hoặc cả <i>Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh)</i>, <i>Nghị định số 17/2020/NĐ-CP, ngày 05/02/2020</i>).</li> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục (<i>Mẫu 04 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>).</li> </ul>
<b>Yêu cầu, điều kiện</b>	<p><b>* Điều kiện chung</b></p> <p>Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ (<i>trừ các điểm đã bãi bỏ tại Nghị định</i></p>

	<p>số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ); (trừ các Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm).</p> <p><b>* Điều kiện riêng</b></p> <p>a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;</li> <li>- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;</li> <li>- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.</li> </ul> <p>b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;</p> <p>d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc quy định tại khoản 8 (Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý) và khoản 10 (Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính) Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.</p>
<p><b>Căn cứ pháp lý</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 của Bộ Công Thương.</li> </ul>

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày.....tháng.....năm 20....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Cơ sở sản xuất, kinh doanh (tên giao dịch hợp pháp): .....

Địa điểm tại: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh (tên sản phẩm): .....

Nay nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho:

- Cơ sở sản xuất
- Cơ sở kinh doanh<sup>1,2</sup>
- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh
- Chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm

(tên cơ sở) .....

Chúng tôi cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm cho cơ sở trên và chịu hoàn toàn trách nhiệm về những vi phạm theo quy định của pháp luật.

Trân trọng cảm ơn./.

**Hồ sơ gửi kèm gồm:**

- 
- 
- 
- 

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

(1): Đối với Chuỗi kinh doanh thực phẩm kèm theo danh sách cơ sở kinh doanh thuộc chuỗi

(2): Danh sách nhóm sản phẩm



**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ KINH DOANH THUỘC CHUỖI**  
*(Kèm theo mẫu đơn đề nghị đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm)*

<b>STT</b>	<b>Tên cơ sở thuộc chuỗi</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Thời hạn GCN</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
3				

**DANH SÁCH NHÓM SẢN PHẨM**

(Kèm theo mẫu đơn đối với chuỗi cơ sở kinh doanh thực phẩm và cơ sở kinh doanh thực phẩm tổng hợp)

<b>STT</b>	<b>Tên nhóm sản phẩm</b>	<b>Nhóm sản phẩm kinh doanh đề nghị cấp Giấy chứng nhận</b>
<b>I</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế</b>	
1	Nước uống đóng chai	
2	Nước khoáng thiên nhiên	
3	Thực phẩm chức năng	
4	Các vi chất bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng	
5	Phụ gia thực phẩm	
6	Hương liệu thực phẩm	
7	Chất hỗ trợ chế biến thực phẩm	
8	Đá thực phẩm (Nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm)	
9	Các sản phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<b>II</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	
1	Ngũ cốc	
2	Thịt và các sản phẩm từ thịt	
3	Thủy sản và sản phẩm thủy sản (bao gồm các loài lưỡng cư)	
4	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả	
5	Trứng và các sản phẩm từ trứng	
6	Sữa tươi nguyên liệu	
7	Mật ong và các sản phẩm từ mật ong	
8	Thực phẩm biến đổi gen	
9	Muối	
10	Gia vị	
11	Đường	
12	Chè	
13	Cà phê	
14	Ca cao	
15	Hạt tiêu	
16	Điều	
17	Nông sản thực phẩm khác	
18	Nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
<b>III</b>	<b>Các nhóm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương</b>	
1	Bia	
2	Rượu, Cồn và đồ uống có cồn	
3	Nước giải khát	
4	Sữa chế biến	
5	Dầu thực vật	
6	Bột, tinh bột	
7	Bánh, mứt, kẹo	

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất ..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I</b>	<b>Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b>					
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					

11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
<b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20....*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm): .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng kinh doanh..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b>						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
<b>II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>						
1						



2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở: .....
2. Địa chỉ cơ sở: .....
3. Số điện thoại:..... Fax:.....
- Email:.....

**II. TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

TT	Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày... tháng... năm ... của .....	Nguyên nhân sai lỗi	Biện pháp khắc phục	Kết quả
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**02. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.**

<p><b>Trình tự thực hiện</b></p>	<p><b>Bước 1:</b> Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định và gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong - P. Quyết Thắng - Tp. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.</li> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật).</li> </ul> <p><b>Bước 2:</b> Công chức kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc cán bộ kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết giấy hẹn.</li> <li>- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho cơ sở để hoàn chỉnh hồ sơ. Quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ mà cơ sở không có phản hồi, cán bộ có quyền hủy hồ sơ.</li> <li>- Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</li> </ul> <p><b>Bước 3:</b> Chuyển phòng chuyên môn phân công xử lý, hoàn thành và trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Trường hợp thẩm định thực tế tại cơ sở có kết quả “Chờ hoàn thiện”</i>: Thời hạn khắc phục tối đa là 60 ngày. Sau khi đã khắc phục theo yêu cầu của Đoàn thẩm định, cơ sở phải nộp báo cáo kết quả khắc phục (<i>theo mẫu quy định</i>) và nộp phí thẩm định về cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định lại. Thời hạn thẩm định lại tối đa là 10 ngày làm việc tính từ khi cơ quan có thẩm quyền nhận được báo cáo khắc phục. Sau 60 ngày cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục thì hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và kết quả thẩm định trước đó với kết luận “Chờ hoàn thiện” không còn giá trị;</li> <li>Nếu kết quả thẩm định lại “Không đạt” hoặc quá thời hạn khắc phục mà cơ sở không nộp báo cáo kết quả khắc phục, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản tới cơ quan quản lý địa phương để giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.</li> </ul> <p><b>Bước 4:</b> Tổ chức nhận kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc qua đường bưu điện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian: Buổi sáng từ 7h30 đến 10h30, buổi chiều từ 13h30 đến 16h30 từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của pháp luật).</li> </ul>
<p><b>Cách thức thực hiện</b></p>	<p>Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện hoặc dịch vụ công trực tuyến</p>
<p><b>Thành phần, số lượng hồ sơ</b></p>	<p><b>a. Thành phần hồ sơ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* <i>Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng</i></li> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm(<i>theo mẫu</i>);</li> <li>* <i>Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i></li> <li>- Đơn đề nghị cấp (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng</li> </ul>

	<p>nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở;</li> <li>- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp.</li> </ul> <p><i>* Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (<i>bản sao có xác nhận của cơ sở</i>).</li> <li>- Tài liệu chứng minh sự thay đổi tên cơ sở.</li> </ul> <p><i>* Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp (<i>theo mẫu</i>);</li> <li>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đã được cấp (<i>bản sao có xác nhận của cơ sở</i>);</li> <li>- Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp (<i>bản sao có xác nhận của cơ sở</i>)</li> </ul> <p>* 01 phong bì ghi rõ địa chỉ và dán tem (nếu nhận hồ sơ qua đường bưu điện).</p> <p><b>b. Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)</b></p>
<b>Thời gian giải quyết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn đề nghị hợp lệ (<i>đối với: cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh; cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh</i>)</li> <li>- Trong vòng 15 ngày làm việc (<i>đối với: cấp lại do cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất, kinh doanh; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực</i>)</li> </ul>
<b>Đối tượng thực hiện</b>	Tổ chức, cá nhân
<b>Cơ quan thực hiện</b>	Sở Công Thương tỉnh Kon Tum
<b>Kết quả</b>	Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
<b>Phí, Lệ phí</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phí thẩm định:</li> <li>+ Cơ sở kinh doanh thực phẩm. Mức thu: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở</li> <li>+ Cơ sở sản xuất thực phẩm. Mức thu: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở</li> </ul>
<b>Tên mẫu đơn, tờ khai</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (<i>Mẫu 01b Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020</i>).</li> <li>- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (<i>Mẫu số 02a - đối với cơ sở sản xuất, Mẫu số 02b - đối với cơ sở kinh doanh</i>), hoặc cả <i>Mẫu số 02a</i></li> </ul>

	<p>và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020).</p> <p>- Báo cáo kết quả khắc phục (Mẫu 04 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020).</p>
<b>Yêu cầu, điều kiện</b>	<p><b>* Điều kiện chung</b></p> <p>Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ (trừ các điểm đã bãi bỏ tại Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ); (trừ các Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm).</p> <p><b>* Điều kiện riêng</b></p> <p>a) Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Rượu: nhỏ hơn 03 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>- Bia: nhỏ hơn 50 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>- Nước giải khát: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>- Sữa chế biến: nhỏ hơn 20 triệu lít sản phẩm/năm;</li> <li>- Dầu thực vật: nhỏ hơn 50 ngàn tấn sản phẩm/năm;</li> <li>- Bánh kẹo: nhỏ hơn 20 ngàn tấn sản phẩm/năm;</li> <li>- Bột và tinh bột: nhỏ hơn 100 ngàn tấn sản phẩm/năm.</li> </ul> <p>b) Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại cùng một địa điểm có công suất thiết kế theo quy định tại điểm a mục này;</p> <p>d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc quy định tại khoản 8 (Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý) và khoản 10 (Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính) Điều 36 Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ có quy mô sản xuất sản phẩm thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương theo quy định tại điểm a mục này.</p>
<b>Căn cứ pháp lý</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010;</li> <li>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 117/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/06/2020 của Bộ Công Thương.</li> </ul>



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày.....tháng.....năm 20...*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

Tên cơ sở..... đề nghị quý cơ quan cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, cụ thể như sau:

Giấy chứng nhận cũ đã được cấp số.....ngày cấp .....

Lý do xin cấp lại Giấy chứng nhận (ghi cụ thể trường hợp xin cấp lại theo quy định tại các khoản 2 Điều 12 của Nghị định này): .....

Đề nghị quý cơ quan xem xét chấp thuận./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở sản xuất)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở sản xuất: .....
- Địa chỉ kho (nếu địa chỉ khác): .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Mặt hàng sản xuất: .....
- Công suất thiết kế: .....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp sản xuất: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

**1. Cơ sở vật chất**

- Diện tích mặt bằng sản xuất ..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng sản xuất: .....
- Kết cấu nhà xưởng: .....
- Nguồn nước phục vụ sản xuất đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh nhà xưởng: .....

**2. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất**

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị, dụng cụ			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I Trang thiết bị, dụng cụ hiện có</b>						
1	Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất					
2	Dụng cụ bao gói sản phẩm					
3	Trang thiết bị vận chuyển sản phẩm					
4	Thiết bị bảo quản thực phẩm					
5	Thiết bị khử trùng, thanh trùng					
6	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
7	Thiết bị giám sát					
8	Phương tiện rửa và khử trùng tay					
9	Dụng cụ lưu mẫu và bảo quản mẫu					
10	Phương tiện, thiết bị phòng chống côn trùng, động vật gây hại					

11	Trang phục vệ sinh khi tiếp xúc trực tiếp với nguyên liệu, thực phẩm					
<b>II Trang thiết bị, dụng cụ dự kiến bổ sung</b>						
1						
2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để sản xuất thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20....*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN THUYẾT MINH**

**Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm (đối với cơ sở kinh doanh)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- Đại diện cơ sở: .....
- Địa chỉ văn phòng: .....
- Địa chỉ cơ sở kinh doanh: .....
- Điện thoại:..... Fax .....
- Loại thực phẩm kinh doanh:.....
- Tổng số công nhân viên: .....
- Tổng số công nhân viên trực tiếp kinh doanh: .....
- Tổng số công nhân viên đã được xác nhận kiến thức/tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm: .....
- Tổng số công nhân viên đã khám sức khỏe định kỳ theo quy định: .....
- Tiêu chuẩn cơ sở về bảo đảm an toàn thực phẩm (đối với chuỗi kinh doanh thực phẩm): .....

**II. THỰC TRẠNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ, DỤNG CỤ**

1. Cơ sở vật chất

- Diện tích mặt bằng kinh doanh..... m<sup>2</sup>
- Sơ đồ bố trí mặt bằng kinh doanh: .....
- Nguồn nước phục vụ kinh doanh đạt TCCL: .....
- Hệ thống vệ sinh và vệ sinh cá nhân: .....

2. Trang thiết bị, dụng cụ kinh doanh

TT	Tên trang, thiết bị	Số lượng	Thực trạng hoạt động của trang thiết bị			Ghi chú
			Tốt	Trung bình	Kém	
<b>I Trang, thiết bị, dụng cụ kinh doanh hiện có</b>						
1	Trang thiết bị, dụng cụ bảo quản sản phẩm					
2	Thiết bị, dụng cụ trưng bày sản phẩm					
3	Trang thiết bị, dụng cụ vận chuyển sản phẩm					
4	Dụng cụ rửa và sát trùng tay					
5	Thiết bị vệ sinh cơ sở, dụng cụ					
6	Trang bị bảo hộ					
7	Dụng cụ, phương tiện phòng chống côn trùng, động vật gây hại					
8	Dụng cụ, thiết bị giám sát					
<b>II Trang, thiết bị dự kiến bổ sung</b>						
1						

2						
3						

### III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của cơ sở đã đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm để kinh doanh thực phẩm theo quy định chưa?

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định, cơ sở cam kết sẽ bổ sung và hoàn thiện những trang thiết bị (đã nêu tại mục II của Bảng kê trên); ghi cụ thể thời gian hoàn thiện.

#### **Cam kết của cơ sở:**

1. Cam đoan các thông tin nêu trong bản thuyết minh là đúng sự thật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về những thông tin đã đăng ký.
2. Cam kết: Chấp hành nghiêm các quy định về an toàn thực phẩm theo quy định./.

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**

*(Ký tên, đóng dấu)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Địa danh, ngày....tháng....năm 20...*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp).....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên cơ sở: .....
2. Địa chỉ cơ sở: .....
3. Số điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

**II. TÓM TẮT KẾT QUẢ KHẮC PHỤC**

<b>TT</b>	<b>Lỗi theo kết luận kiểm tra ngày... tháng.... năm ... của .....</b>	<b>Nguyên nhân sai lỗi</b>	<b>Biện pháp khắc phục</b>	<b>Kết quả</b>
1				
2				
3				

Đề nghị cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra và làm thủ tục để cơ sở chúng tôi được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm./.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**  
(Ký tên, đóng dấu)